TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **521**/2022/HNGĐ-ST Ngày: 13 - 12 - 2022 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Trần Thành Chúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số; 809/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 14, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 14, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Q có mặt, ông H Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn H là tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng

nói chung. Hai người đã không còn sống chung từ năm 2001 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Q xin được ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Q và ông H có một con chung tên Huỳnh Thị Cẩm M, sinh năm 1993. Cháu M hiện đã trưởng thành và sống tự lập được. M cũng đã có gia đình riêng, hiện sinh sống tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quyền và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chứng cứ: Các đương sự cung cấp Bản sao Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận số 156/XN-UBND, ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông.

Tại phiên tòa, Bà Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Văn H, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung. Xác định quan hệ tranh chấp "xin ly hôn". Bị đơn ông Huỳnh Văn H hiện sinh sống tại Tổ 14, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông H vắng mặt nhưng có đơn xin không tham gia phiên tòa. Như vậy ông H đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Do hôn nhân giữa ông H và bà Q không đăng ký kết hôn, nên không thuộc trường hợp tiến hành hòa giải về tình cảm. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà Q và ông H, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà Q và ông H là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian chung sống hai người thường cãi nhau, nên đã sống riêng từ năm 2001. Bà Q xin ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình thì bà Q và ông H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng bà Q và ông H không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Bà Q và ông H mặc dù có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông H có một con chung tên Huỳnh Thị Cẩm M, sinh năm 1993. Cháu M hiện đã trưởng thành và sống tự lập được, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quyền và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Ngyuễn Thị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 16 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007133 ngày 28/9/2022. (Bà Q đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Q. Thời hạn kháng cáo của bà Q là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của ông H là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VHĐ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu